

Bản án số: 07/2018/HSST.

Ngày: 19-6-2018

Vụ: Lê T cùng đồng phạm
phạm tội "Trộm cắp tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Linh và ông Nguyễn Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2018/HSST ngày 31 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. LÊ T (Tên gọi khác: X); sinh năm 1981, tại Quảng Trị.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê X, sinh năm 1952 và bà Võ Thị L, sinh năm 1954; trú tại: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; vợ Đoàn Thị T, sinh năm 1982; trú tại: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; có 02 con, lớn sinh năm 2008 và nhỏ sinh năm 2010.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

2. LÊ L; sinh năm 1972, tại Quảng Trị.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Thợ xây; trình độ văn hoá (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bá T và bà Trần Thị T (đã chết); vợ Đoàn Thị Đ, sinh năm 1975; trú tại: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; có 04 con, lớn sinh năm 1996 và nhỏ sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

3. NGUYỄN Đ (Tên gọi khác: T); sinh năm 1979, tại Quảng Trị.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Đánh cá; trình độ văn hoá (học vấn): 05/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy C và bà Đặng Thị T (đã chết); vợ Lê Thị H, sinh năm 1980; trú tại: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; có 03 con, lớn sinh năm 2002 và nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

4. LÊ THANH H (*Tên gọi khác: P*); sinh năm 1980, tại Quảng Trị.

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H, sinh năm 1954 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1953; trú tại: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; vợ Đoàn Thị G, sinh năm 1982; trú tại: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; có 03 con, lớn sinh năm 2003 và nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Ông Lê Xuân V, sinh năm 1984; trú tại: Thôn Đông Tân An, xã Hải An, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1982; trú tại: Thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh 1989; trú tại: Thôn 5, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 30 tháng 12 năm 2017, trên đường đi nhậu về, Lê T rủ Lê L xuống hồ tôm của anh Lê Thanh V ở thôn 1, xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong để chiếm đoạt tài sản, L đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T đi bộ ra đường Quốc phòng trước nhà T thì gặp L, Nguyễn Đ và Lê Thanh H, T nói “Xuống hồ tôm, còn mấy cái cầu quay quạt tạo oxy với cái máy bơm nước lấy về bán uống rượu cho luôn”. H nói “Cho tau đi với”. Nghe vậy, T nói “Ba anh em đi lấy đi, tui lấy xe chở cho”. Sau đó, Th đi vào nhà ăn cơm và tắm rửa, còn L, Đ, H đi bộ đến bờ đê hồ tôm ở phía trước lán trại để lấy 3 cái cờ lê, rồi đi xuống hồ tôm phía bên trái lán trại để tháo cầu quay quạt tạo oxy. L, Đ sử dụng cờ lê tháo 01 cái, còn H tháo 01 cái. Sau khi mở xong hai cầu quay quạt, L, Đ, H lên gốc hồ tôm tháo mô tơ bơm nước loại 2,2KW, dùng dòng điện 3 pha, nhãn hiệu TECO. Tháo xong, L, Đ, H bỏ lại cờ lê ngay giữa bờ đê hồ tôm rồi sử dụng thanh sắt để ngay cạnh hồ tôm gán hai cầu quay quạt (01 cầu quay đơn, một cầu quay đôi) và mô tơ bơm nước lên đường Quốc phòng, để ở cầu thôn Đầu, tiếp giáp với xã Hải An, huyện Hải Lăng. Đến 21 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 74-026.64 chạy đến. T chờ định cùng 02 cầu quay, 01 mô tơ bơm nước, còn H dùng xe máy của L chạy đến điểm thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị Ngọc L ở thôn 5, xã Triệu Lăng, bán được 2.300.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 07/KLĐG ngày 18/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Triệu Phong, xác định: Trị giá tại thời điểm bị chiếm

đoạt ngày 30/12/2017 của 01 cái cầu quay đơn là 595.000 đồng, 01 cái cầu quay đôi là 805.000 đồng và 01 máy mô tơ bơm nước, loại 2,2 KW, nhãn hiệu TECO là 1.920.000 đồng. Tổng cộng 3.320.000 đồng.

Cáo trạng số 07/QĐ-VKS-HS ngày 31/5/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị đã truy tố các bị cáo Lê T, Lê L, Nguyễn Đ, Lê Thanh H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê T, Lê L, Nguyễn Đ, Lê Thanh H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt Lê T từ 9 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách gấp đôi hình phạt tù; không áp dụng hình phạt bổ sung.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt: Lê L từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Nguyễn Đ từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; Lê Thanh H từ 6 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ; không khấu trừ thu nhập đối với 3 bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng 2015: Tịch thu tiêu hủy 03 cái cờ lê bằng kim loại, 01 thanh kim loại. Trả lại cho Lê Thanh 01 xe mô tô Yamaha, nhãn hiệu Taurus, màu nâu-bạc, biển kiểm soát 74D1-026.64 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000209, biển kiểm soát 74D1-026.64, tên chủ sở hữu Lê T.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 30/12/2017 (ngày Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật) nhưng điều tra, truy tố và đưa vụ án ra xét xử ngày 19/6/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật) và mức hình phạt tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 không có gì khác so với mức hình phạt tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 nên căn cứ vào khoản 1 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao để áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 xét xử các bị cáo Lê T, Lê L, Nguyễn Đ, Lê Thanh H.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai có trong hồ sơ vụ án, bản cáo trạng, đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 20 giờ ngày 30/12/2017, Lê T, Lê L, Nguyễn Đ, Lê Thanh H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của anh Lê Xuân V gồm 01 cái cầu quay đơn, 01 cái cầu quay đôi và 01 máy mô tơ

bơm nước, loại 2,2 KW, nhãn hiệu TECO với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 3.320.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Xét tính chất vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quyền sở hữu tài sản là một trong những quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo vệ, bất kỳ người nào có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng có hành vi trái pháp luật xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Tuy nhiên, trong thời gian qua, trên địa bàn huyện Triệu Phong liên tiếp xảy ra nhiều vụ phạm pháp hình sự về các tội xâm phạm sở hữu, trong đó đáng chú ý là các vụ trộm cắp tài sản xảy ra ngày càng nhiều, chứng tỏ sự liều lĩnh, coi thường pháp luật của người phạm tội. Các bị cáo Lê T, Lê L, Nguyễn Đ, Lê Thanh H là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được hậu quả do mình gây ra nhưng đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; các bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, bất chấp sự phản nộ của dư luận xã hội để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình, tâm lý hoang mang lo lắng của người dân trong đời sống xã hội nên cần phải xử phạt các bị cáo mức án nghiêm mới đảm bảo tính trừng trị, giáo dục đối với bị cáo đồng thời răn đe, phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Tuy nhiên, khi xem xét quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ đó là: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh Lê Xuân V; các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm p, b, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Lê T có bố, mẹ được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo L có bố, mẹ được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì; bị cáo Đ có mẹ được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba; người bị hại anh Lê Xuân V xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên cả 4 bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, cũng như vai trò của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, T là người khởi xướng các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội, cũng là người chủ động chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ; các bị cáo L, Đ, H là người thực hành, người trực tiếp thực hiện hành vi lấy tài sản nên mức hình phạt của T cao hơn các bị cáo khác là cần thiết. Hơn nữa, 3 bị cáo Lê T, Lê L, Nguyễn Đ vào đêm 29/12/2017 cũng có hành vi trộm cắp tài sản nhưng tang số chiếm đoạt dưới hai triệu

đồng nên cơ quan Công an không truy tố, đối với bị cáo H tham gia với vai trò thứ yếu nên cần xem xét khi quyết định mức hình phạt và xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nghề nghiệp ổn định, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần xử phạt các bị cáo T, L, Đ hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Hòa hình phạt cải tạo không giam giữ và giao các bị cáo cho gia đình và chính quyền địa phương giám sát giáo dục để các bị cáo tu dưỡng, rèn luyện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội đồng thời thể hiện tính nhân đạo của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê T, Lê L, Nguyễn Đ và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Thanh H.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại anh Lê Xuân V đã nhận lại tài sản và các bị cáo đã bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, anh V không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 3 cờ lê bằng kim loại, 01 thanh kim loại của anh Lê Xuân V mà các bị cáo dùng để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa, anh V không yêu cầu nhận lại tài sản và đề nghị tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển kiểm soát 74D1-026.64 và giấy đăng ký xe mang tên Lê T mà bị cáo T dùng vào việc vận chuyển tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Quá trình giải quyết vụ án, chị Đoàn Thị T (là vợ bị cáo) và bị cáo có bản trình bày, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Triệu Lăng thì chiếc mô tô này là tài sản chung của vợ chồng, do vợ chồng bị cáo vay tiền mua để làm phương tiện đi lại làm ăn nuôi sống gia đình, khi bị cáo Lê T dùng xe mô tô đi trộm cắp thì chị T không biết. Xét thấy, đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo và là phương tiện đi lại làm ăn của gia đình bị cáo nên cần áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 để trả lại cho bị cáo Lê T.

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của Lê T, Lê L, Nguyễn Đ đêm 29/12/2017 trị giá tài sản dưới 2.000.000 đồng, cơ quan điều tra đã xử phạt vi phạm hành chính nên hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc L đã mua 02 cầu quay quạt tạo oxy và 01 mô tơ bơm nước, loại 2,2 KW nhãn hiệu TECO vào tối 30/12/2017 nhưng bà L không biết tài sản do trộm cắp mà có nên Viện kiểm sát không truy tố là có căn cứ.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Phong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Lê T (*tên gọi khác: X*), Lê Liên, Nguyễn Đ (*tên gọi khác: T*), Lê Thanh H (*tên gọi khác: P*) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt:

LÊ T (*tên gọi khác: X*): **09** (*chín*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (*mười tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2018.

LÊ L: **06** (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12** (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2018.

NGUYỄN Đ (*tên gọi khác: T*): **06** (*sáu*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **12** (*mười hai*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2018.

Giao các bị cáo Lê T, Lê L, Nguyễn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 31 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt:

LÊ THANH H (*tên gọi khác: Phước*): **09** (*chín*) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ của Lê Thanh H được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo Lê Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Triệu Lăng, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 03 cái cờ lê bằng kim loại, 01 thanh kim loại.

- Trả lại cho Lê Thanh 01 xe mô tô Yamaha biển kiểm soát 74D1-026.64 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000209, biển kiểm soát 74D1-026.64 mang tên Lê T.

(*Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, đặc điểm của các vật chứng được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/5/2018 giữa Công an huyện Triệu Phong với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong*).

3. Về án phí: Mỗi bị cáo Lê T, Lê L, Nguyễn Đ, Lê Thanh H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS, CA huyện T.Phong;
- Chi Cục THADS huyện T.Phong;
- THA Hình sự;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Hồng Phước

